

KHOA XÉT NGHIỆM -
CDHA & TDCN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 405... / KSBT - XN-CDHA&TDCN.



- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG
CẤP THOÁT NƯỚC SUỐI DÀU**
- Địa chỉ: 58 Yersin – Phường Sài – Nha Trang – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 33525HĐ
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóá và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 02/6/2025
- Ngày nhận mẫu: 02/6/2025
- Thời gian kiểm nghiệm: 02/6/2025 đến 06/6/2025
- Ngày hẹn trả kết quả: 16/6/2025
- Kết quả kiểm nghiệm: Xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Tôn Thất Toàn

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA & TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp	Kết quả	Giới hạn cho phép (**)
1	Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 3
2	Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Clo dư tự do (mg/L) ^(*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,4	Trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 12402-1:2020	0,12	2
5	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
6	Mùi, vị ^(*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023) QTKT-HNMV-10:2003 (Ref.SMEWW 2160:2023)	Không phát hiện mùi Không phát hiện vị	Không có mùi, vị lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,06	Trong khoảng 6,0-8,5
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	0,3
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,8	2
10	Chloride (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	14,2	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	9	300
12	Mangan (mg/L)	HACH 8149:2014	0,001	0,1
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,4	2
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,003	0,05
15	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,005	0,3
16	Sunphat (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2018/BYT)